

ĐA DẠNG HỆ THỰC VẬT BẠC CAO CÓ MẠCH Ở HUYỆN CHỢ MỚI VÀ BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

Hoàng Thị Thúy Hằng^{1*}, Trần Đình Lý²

¹Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn, *thanhbinhsptn@gmail.com

²Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam

TÓM TẮT: Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, sản xuất nông, lâm nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh. Sử dụng phương pháp điều tra tuyến và ô tiêu chuẩn từ đó lập các ô dạng bản. Kết quả đã điều tra, phân loại, thu thập được 283 loài thực vật trong 138 chi với 87 họ thuộc ba ngành Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín thuộc nhiều dạng sống khác nhau. Những họ thực vật có nhiều loài nhất bao gồm họ Hòa thảo (Poaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Cúc (Asteraceae) và họ Vang (Caesalpiniaceae). Những loài cây thường xuyên được khai thác và sử dụng phổ biến là sa nhân (*Amomum xanthioides*), bồ đề (*Styrax tonkinensis*), xương cá (*Canthium dicoccum* var. *rostratum*), xoan đào (*Prunus arborea*) và vàng tâm (*Manglietia fordiana*). Có 6 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó, có 5 loài thuộc cấp độ Sẽ nguy cấp (VU) là chò nâu (*Dipterocarpus retusus*), giổi (*Michelia balanse*), gỏi nếp (*Aglaia spectabilis*), lá khô (*Ardisia silvestris*), xương cá (*Canthium dicoccum*); có 1 loài Nguy cấp (EN) là loài sến mật (*Madhuca pasquieri*).

Từ khóa: Đa dạng thực vật, loài quý hiếm, thực vật bậc cao có mạch, thảm thực vật, Bắc Kạn.

MỞ ĐẦU

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, sản xuất nông, lâm nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh. Lâm nghiệp là một trong những thế mạnh với rừng có độ che phủ khoảng 49%. Phần lớn là rừng đầu nguồn của các hệ thống sông, suối nên có ý nghĩa to lớn về môi trường. Bên cạnh rừng tự nhiên, diện tích rừng trồng ngày càng tăng. Để làm cơ sở cho công tác bảo tồn và sử dụng hợp lý bền vững tài nguyên sinh vật rừng, chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu đa dạng hệ thực vật tỉnh Bắc Kạn.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Toàn bộ mẫu vật được thu thập tại huyện Chợ Mới và Bạch Thông, thuộc tỉnh Bắc Kạn.

Thu thập số liệu ngoài thực địa theo phương pháp điều tra tuyến và ô tiêu chuẩn. Dọc theo tuyến điều tra, thiết lập các ô tiêu chuẩn diện tích 2000 m² (50 m × 40 m). Trong mỗi ô tiêu chuẩn lập các ô dạng bản theo đường chéo và các đường vuông góc để điều tra thu thập số liệu về thành phần và cấu trúc của thảm thực vật. Chúng tôi đã thực hiện hai tuyến điều tra: tuyến 1 từ Hoà Mục đi Cao Kỳ, huyện Chợ Mới; tuyến 2 từ Cẩm Giàng đi Phương Linh, đèo Gió, huyện Bạch Thông.

Sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn với sự tham gia của người dân địa phương để thu thập thông tin về tình hình khai thác, sử dụng, trồng mới và tái sinh tự nhiên các thảm thực vật.

Phân tích số liệu: tên loài cây, dạng sống và giá trị sử dụng được xác định theo Phạm Hoàng Hộ (1999-2000) [7], Danh lục thực vật Việt Nam (2003) [13], Võ Văn Chi (1997, 2003, 2005) [4, 5, 6], Trần Đình Lý (1995) [9], Đỗ Tất Lợi (1999) [8] và Viện Dược liệu (2006) [12] phân tích phổ dạng sống theo Raunkiaer (1934) [10, 11].

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thành phần các taxon

Trong các trạng thái thảm thực vật nghiên cứu, chúng tôi đã thống kê được 283 loài, trong 138 chi, với 87 họ, thuộc ba ngành thực vật (bảng 1). Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 10 loài (3,5%) với 8 chi (5,80%) thuộc 6 họ chiếm 6,98%; ngành Hạt trần (Gymnospermae) có 4 loài (1,40%) với 2 chi (1,44%) thuộc 2 họ chiếm 2,32%; ngành Hạt kín (Angiospermae) có 271 loài (95,1%) với 128 chi (92,76%) thuộc 78 họ chiếm 90,7% (bảng 5).

Số lượng các taxon đã phản ánh sự phong

phú của hệ thực vật vùng nghiên cứu, đặc trưng nhất là ngành Hạt kín. Lớp Hai lá mầm có tỷ lệ lớn nhất với 244 loài (chiếm 85,61% tổng số loài), 124 chi (chiếm 89,87% tổng số chi) và 71

họ (82,57% tổng số họ thực vật). Lớp Một lá mầm có 27 loài (9,49%), 4 chi (2,89%) và 7 họ (8,13%) trong tổng số loài, chi, họ thực vật ở đây (bảng 2).

Bảng 1. Sự phân bố các họ, chi, loài trong các ngành thực vật

STT	Ngành	Họ		Chi		Loài	
		Số họ	%	Số chi	%	Số loài	%
1	Polypodiophyta	6	6,98	8	5,80	10	3,5
2	Gymnospermae	2	2,32	2	1,44	4	1,4
3	Angiospermae	78	90,7	128	92,76	271	95,1
Tổng		86	100	138	100	285	100

Bảng 2. Phân bố các Taxon trong ngành Hạt kín

STT	Lớp	Họ		Chi		Loài	
		Số họ	%	Số chi	%	Số loài	%
1	Dicotyledones	71	82,57	124	89,87	244	85,61
2	Monocotyledones	7	8,13	4	2,89	27	9,49
Tổng		78	90,07	128	92,76	271	95,1

Dạng sống

Dạng sống là kết quả thích nghi lâu dài với điều kiện sống của thực vật. Dựa theo thang

phân loại của Raunkiaer (1934) [10, 11] thảm thực vật vùng nghiên cứu có các dạng sống chủ yếu được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Dạng sống của thực vật khu vực nghiên cứu

Dạng sống	Th	He	Ch	Cr	Ph			
					Lp	MM	Mi	Na
Số loài	30	22	16	15	42	75	68	17
Tỷ lệ %	10,53	7,72	5,61	5,26	14,74	26,32	23,86	5,96

Th. Cây một năm; He. Cây chồi nửa ẩn; Ch. Cây chồi sát đất; Cr. Cây chồi ẩn; Ph. Cây có chồi trên mặt đất; Lp. Cây dây leo có chồi trên mặt đất; MM. Cây lớn và vừa có chồi trên đất; Mi. Cây chồi trên nhỏ; Na. Cây chồi trên lùn.

Bảng 3 cho thấy, trong số 283 loài đã xác định, nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế với tỷ lệ 70,88%. Các nhóm còn lại chiếm tỷ lệ thấp và tương đối đồng đều nhau dao động từ 5,26 đến 10,53%. Phổ dạng sống của khu hệ nghiên cứu là: SB = 10,53 Th + 7,72 He + 5,61 Ch + 5,26 Cr + 70,88 Ph.

Phân bố

Hệ thực vật tỉnh Bắc Kạn được phân bố ở nhiều sinh cảnh khác nhau, tuy nhiên số lượng loài phân bố không đều nhau (bảng 4).

Rừng thứ sinh có số loài nhiều nhất 146 loài (51,22%), tiếp đến là thảm cây bụi 92 loài

(32,28%), ven sông, suối 76 loài (26,66%). Các địa điểm còn lại số loài dao động từ 23-36 loài (8,07-12,63%).

Số liệu điều tra cho thấy, có rất nhiều loài có thể sống ở hai hay nhiều sinh cảnh khác nhau như: rau dớn (*Cyclosorus parasiticus*), dương xỉ (*Dryopteris chrysocoma*), cỏ xước (*Achyranthes aspera*), dâu da xoan (*Allospondias lakonensis*), hà thủ ô (*Streptocaulon griffithii*), cứt lợn (*Ageratum conyzoides*), ngải cứu (*Artemisia dracunculul*), cỏ lào (*Eupatorium odoratum*), nhọ nồi (*Eclipta prostrata*), rau tàu bay (*Erechtites valerianifolius*) và bồ công anh dại (*Lactuca indica*). Có loài sống rải rác từ bản

làng dọc theo sườn đồi lên đến đỉnh đồi tạo thành rừng thứ sinh như: trám trắng (*Canarium album*), trám đen (*Canarium tramdenum*), bồ kết rừng (*Gleditsia australis*), đom đóm

(*Alchornea trewioides*), chồi mồi (*Antidesma acidum*), thành ngạnh (*Cratoxylum cochinchinense*), đỗ ngon (*Cratoxylum pruniflorum*) và nứa (*Neohouzeaua dulloa*).

Bảng 4. Đa dạng về nơi sống thảm thực vật

STT	Nơi sống	Số loài	Tỷ lệ %
1	Bản, làng	23	8,07
2	Ven sông, suối	76	26,66
3	Đất trồng, đồi trọc, nương, rẫy	34	11,92
4	Thảm cỏ	36	12,63
5	Thảm cây bụi	92	32,28
6	Rừng thứ sinh	146	51,22

Giá trị sử dụng

Kết quả điều tra, phỏng vấn và thu mẫu ngoài thực địa, bước đầu đã xác định được một số loài thường xuyên được sử dụng như:

Dùng làm thuốc: sa nhân (*Amomum xanthioides*), cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), bách thảo (*Stemona tuberosa*), cam thảo lam (*Scoparia dulcis*), ba kích (*Morinda officinalis*), lá lốt (*Piper lolot*), vòi (*Cleistocalyx operculatus*), chó đẻ (*Phyllanthus urinaria*), ích mẫu (*Leonurus japonicus*), hương nhu tía (*Ocimum tenuiflorum*) và sài đất (*Wedelia chinensis*).

Dùng trong xây dựng: xoan nhừ (*Choerospondias axillaris*), sấu (*Dracontomelum duperreanum*), trám đen (*Canarium tramdenum*), lim xanh (*Erythrophleum fordii*), chò nâu (*Dipterocarpus retusus*), chò chỉ (*Parashorea chinensis*), giổi (*Michelia balansae*) và bồ đề (*Styrax tonkinensis*).

Đồ thủ công, mỹ nghệ: lông cu li (*Cibotium barometz*), guột (*Dicranopteris linearis*) và nứa (*Neohouzeaua dulloa*).

Một số loài còn là thức ăn chính của người dân địa phương trong những ngày giáp hạt như: rau rớn (*Callipteris esculenta*), rau dệu (*Alternanthera sessilis*), sấu (*Dracontomelum duperreanum*), rau má (*Centella asiatica*), ngải cứu (*Artemisia dracunculoides*), rau tàu bay (*Erechtites valerianifolius*) và rau sam (*Portulaca oleracea*).

Nguồn gen quý hiếm

Trong 283 loài thực vật bậc cao có mạch ở tỉnh Bắc Kạn, có 6 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) [2], trong đó, có 5 loài thuộc cấp độ Sẻ nguy cấp (VU) là chò nâu (*Dipterocarpus retusus*), giổi (*Michelia balansae*), giổi nếp (*Aglaia spectabilis*), lá khô (*Ardisia silvestris*), xương cá (*Canthium dicoccum*); có 1 loài Nguy cấp (EN) là sên mật (*Madhuca pasquieri*).

KẾT LUẬN

Đã điều tra, phân loại, thu thập được 283 loài thực vật trong 138 chi với 87 họ thuộc ba ngành Dương xỉ, Hạt trần và Hạt kín.

Những họ thực vật có nhiều loài nhất bao gồm họ Hòa thảo (Poaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Cúc (Asteraceae) và họ Vang (Caesalpiniaceae).

Những loài cây thường xuyên được khai thác và sử dụng phổ biến là sa nhân (*Amomum xanthioides*), bồ đề (*Styrax tonkinensis*), xương cá (*Canthium dicoccum*), xoan đào (*Prunus arborea*) và vàng tâm (*Manglietia fordiana*).

Có 6 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) [2], trong đó, có 5 loài thuộc cấp độ Sẻ nguy cấp (VU) là chò nâu (*Dipterocarpus retusus*), giổi (*Michelia balansae*), giổi nếp (*Aglaia spectabilis*), lá khô (*Ardisia silvestris*), xương cá (*Canthium dicoccum*); và 1 loài Nguy cấp (EN) là sên mật (*Madhuca pasquieri*).

Đề bảo tồn và phát triển bền vững các thảm

thực vật đặc biệt là các loài thực vật quý hiếm. pháp về kỹ thuật, chính sách, quản lý, bảo vệ và
Bắc Kạn cần phải có một hệ thống các biện pháp phục hồi thảm thực vật khoa học và hợp lý.

Bảng 5. Danh lục thực vật bậc cao có mạch chủ yếu huyện Chợ Mới và Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn

S TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	DS	Trạng thái TTV		
				C	B	TS
	POLYPODIOPHYTA	NGÀNH DƯƠNG XỈ				
	ADIANTACEAE	HỌ TÓC VỆ NỮ				
1	<i>Pteris</i> sp.	Cỏ luồng	He	*		
2	<i>Pteris vittata</i> L.	Cỏ rết	He	*		
	ASPIDIACEAE	HỌ TAI ĐẤT				
3	<i>Callipteris esculenta</i> (Retz.) J. Smith	Rau rớn	Th		*	*
	DICKSONIACEAE	HỌ CU LI				
4	<i>Cibotium barometz</i> (Linn.) J. Sm.	Lông cu li	Ch		*	*
	DRYOPTERIDACEAE	HỌ DƯƠNG XỈ				
5	<i>Cyclosorus parasiticus</i> (L.) Farw.	Rau dớn	He	*		
6	<i>Dryopteris chrysocoma</i> (L.) Schott.	Dương xỉ	He	*	*	
	GLEICHENIACEAE	HỌ GUỘT				
7	<i>Dicranopteris linearis</i> (Burm.) Underw.	Guột	Cr		*	
	SCHIZEACEAE	HỌ BÔNG BONG				
8	<i>Lygodium conforme</i> C. Chr.	Bông bong dạng sừng	Cr	*		
9	<i>L. microstachyum</i> Desv.	Bông bong lá nhỏ	Cr	*		
10	<i>L. flexuosum</i> (L.) Sw.	Bông bong	Cr	*		
	GYMNOSPERMAE	NGÀNH HẠT TRẦN				
	GNETACEAE	HỌ GẮM				
11	<i>Gnetum montanum</i> Markgraf	Gắm núi	Lp		*	
12	<i>Gnetum latifolium</i> Blume	Gắm lá rộng	Lp		*	
	PODOCARPACEAE	HỌ KIM GIAO				
13	<i>Dacrycarpus imbricatus</i>	Thông màng	MM			*
14	<i>Podocarpus nerifolius</i> D. Don	Thông tre	Mi		*	*
	ANGIOSPERMAE	NGÀNH HẠT KÍN				
	DICOTYLEDONES	LỚP HAI LÁ MẪM				
	ACANTHACEAE	HỌ Ô RÔ				
15	<i>Rhinacanthus nasutus</i> (L.) Kurz	Bạch hạc	Ch	*		
16	<i>Strobilanthes cusia</i> (Nees) Kuntze	Chàm mèo	Ch	*		
17	<i>Strobilanthesacrocephala</i> T.Anders.	Cơm nếp	Ch	*		
	ACERACEAE	HỌ THÍCH				
18	<i>Acer tonkinense</i>	Thích bắc bộ	MM		*	
19	<i>Acer wilsonii</i>	Thích lá xẻ	MM		*	
	ALANGIACEAE	HỌ THÔI CHANH				
20	<i>Alangium chinense</i> (Lour.) Harms	Thôi ba	MM		*	
21	<i>Alangium kurzii</i> Craib	Thôi ba lông vàng	MM		*	
	ALTINGIACEAE	HỌ TÔ HẠP				
22	<i>Liquidambar formosana</i> Hance	Sau sau	MM		*	
	AMARANTHACEAE	HỌ RAU DỀN				
23	<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Dền gai	Th	*	*	
24	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ xước	He	*	*	
25	<i>Alternanthera sessilis</i> (L.) A.DC.	Rau dệu	Th	*		
26	<i>Celosia argentea</i> L.	Mào gà trắng	Th		*	
	ANACARDIACEAE	HỌ XOÀI				
27	<i>Allospodias lakonensis</i> (Pierre) Staf	Dâu da xoan	Mi			*

28	<i>Choerospondias axillaris</i>	Xoan nhừ	MM		*	
29	<i>Dracontomelum duperreanum</i> Pierre	Sấu	MM			*
30	<i>Rhus chinensis</i> Muell.	Muối	Mi			*
	ANNONACEAE	HỌ NA				
31	<i>Alphonsea squamosa</i> Fin.&Gagnep.	Thâu lĩnh	Mi		*	
32	<i>Artabotrys hexapetalus</i> (L.f.) Bhand	Hoa móng rồng	Lp		*	
33	<i>Dasymaschalon glaucum</i> Merr&Chun	Dắt mè	Na			*
34	<i>Desmos chinensis</i> Lour.	Hoa giê thơm	Lp			*
35	<i>Desmos</i> sp.	Hoa giê	Lp			*
36	<i>Polyalthia cerasoides</i> (Roxb.)Bedd.	Nhọc lá nhỏ	MM		*	
37	<i>Xylophia vielana</i> Pierre	Giền	Mi		*	
	APIACEAE	HỌ HOA TÁN				
38	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.in Mart.	Rau má	He	*		
39	<i>Hydrocotyle chinensis</i> (Dun) Craib	Rau má dại	He	*		
	APOCYNACEAE	HỌ TRÚC ĐÀO				
40	<i>Streptocaulon griffithii</i> Hook.f.	Hà thủ ô	Ch		*	
41	<i>Wrightia laevis</i> Hook.f.	Thùng mức	MM		*	
42	<i>Wrightia tomentosa</i>	Thùng mức lông mềm	MM		*	
	ARALIACEAE	HỌ NGŨ GIA BÌ				
43	<i>Schefflera petelotii</i> Merr.	Chân chim núi	MM		*	
44	<i>Trevesia palmata</i>	Đu đủ rừng	Mi		*	
	ASCLEPIADACEAE	HỌ THIÊN LÝ				
45	<i>Dischidia acuminata</i> Cost.	Dây hạt bí	Lp		*	
46	<i>Hoya multiflora</i> Blume	Dây hoa đá	Lp		*	
	ASTERACEAE	HỌ CÚC				
47	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Cứt lợn	Th	*		
48	<i>Artemisia dracunculoides</i> L.	Ngải cứu	Cr	*		
49	<i>Bidens pilosa</i> L.	Đơn buốt kim	Th	*		
50	<i>Eupatorium odoratum</i> L.	Cỏ lào	Ch	*		
51	<i>Eclipta prostrata</i> L.	Nhọ nôi	Th	*		
52	<i>Erechtites valerianifolius</i> (Wolf.) DC.	Rau tàu bay	Th	*		
53	<i>Lactuca indica</i> L.	Bồ công anh dại	Th	*		
54	<i>Parthenium hysterophorus</i> L.	Cúc liên chi dại	Th	*		
55	<i>Vernonia arborea</i> Buch.-Ham.	Bông bạc	MM	*		
56	<i>Wedelia chinensis</i> (Osbeck) Merr.	Sài đất	He	*		
	BOMBACACEAE	HỌ BÔNG GẠO				
57	<i>Bombax ceiba</i> L.	Bông gạo	MM			*
	BORAGINACEAE	HỌ VỎI VỎI				
58	<i>Heliotropium indicum</i> L.	Vôi vôi	Th		*	
59	<i>Tournefortia sarmentosa</i> Lamk.	Bò cạp	Th		*	
	BURSERACEAE	HỌ TRÁM				
60	<i>Canarium album</i> (Lour.) Raeusch.	Trám trắng	MM			*
61	<i>Canarium tramdenum</i>	Trám đen	MM			*
62	<i>Canarium tonkinense</i> Engl.	Trám chim	MM			*
	CAESALPINIACEAE	HỌ VANG				
63	<i>Bauhinia championii</i> (Benth.) Benth.	Móng bò	Lp	*		
64	<i>Caesalpinia sappan</i> L.	Tô mộc	Mi	*		
65	<i>Caesalpinia latisiliqua</i> (Cav.) hattink.	Móc điều	Lp		*	
66	<i>Caesalpinia minax</i> Hance	Vuốt hùm	Lp		*	
67	<i>Caesalpinia cucullata</i> Roxb.	Móc điều lá cứng	Lp	*		
68	<i>Caesalpinia latisiliqua</i> (Cav.) Hattink	Móc điều	Lp	*		
69	<i>Peltophorum tonkinense</i> A.Chev.	Lím xẹt	MM			*

70	<i>Saraca dives</i> Pierre.	Vàng anh	MM			*
	CAPRIFOLIACEAE	HỌ KIM NGÂN				
71	<i>Lonicera japonica</i> Thunb.	Kim ngân	Lp		*	
	CLUSIACEAE	HỌ BỬA				
72	<i>Garcinia cowa</i> Roxb.	Tai chua	Mi		*	
73	<i>Garcinia oblongifolia</i>	Búa	Mi		*	
	CONNARACEAE	HỌ DÂY KHÉ				
74	<i>Rourea minor</i> subsp. <i>microphylla</i>	Dây khế	Na		*	
	CONVOLVULACEAE	HỌ KHOAI LANG				
75	<i>Ipomoea angustifolia</i> Jacq.	Bìm bìm	Lp	*		
76	<i>I. obscura</i> (L.) Ker-Gawl.	Bìm bìm mỡ	Lp	*		
	CUCURBITACEAE	HỌ BẦU BÍ				
77	<i>Hodgsonia macrocarpa</i> (Blume) Cogn.	Đại hái	Lp		*	
78	<i>Thladiantha cordifolia</i> (Blume) Cogn.	Dưa trời	Lp		*	
79	<i>Zehneria indica</i> (Lour.) Kerandron	Dưa đại	Lp		*	
	DILLENACEAE	HỌ SỔ				
80	<i>Dillenia baillonii</i> Gagnep.	Sổ	MM			*
81	<i>Dillenia turbinata</i> Fin.&Gagnep.	Lọng bàng	MM			*
82	<i>Tetracera scandens</i> (L.) Merr.	Chặc chiu	Lp		*	
	DIPTEROCARPACEAE	HỌ DẦU				
83	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume	Chò nâu	MM			*
84	<i>Parashorea chinensis</i> H. Wang	Chò chỉ	MM			*
85	<i>Vatica odorata</i> (Griff.) Symingt.	Tấu trắng	MM			*
	EBENACEAE	HỌ THỊ				
86	<i>Diospyros eriantha</i> Champ.ex Benth.	Thị lông đỏ	MM			*
87	<i>Diospyros decandra</i> Lour.	Thị rừng	MM			*
88	<i>Diospyros pilosula</i> (A.DC.) Hiern.	Chín tầng	Mi		*	
	ELAEAGNACEAE	HỌ NHÓT				
89	<i>Elaeagnus bonii</i> Lecomte	Nhót rừng	Na		*	
	ELAEOCARPACEAE	HỌ CÔM				
90	<i>Elaeocarpus griffithii</i> (Wight)A Gray	Côm tầng	MM	*		
91	<i>Elaeocarpus apiculatus</i> Mast.	Côm lá bàng	MM	*		
92	<i>Elaeocarpus floribundus</i> Blume	Côm trâu	MM	*		
	EUPHORBIACEAE	HỌ THẦU DẦU				
93	<i>Alchornea trewioides</i> Muell-Arg.	Đom đóm	Mi	*		
94	<i>Alchornea</i> sp.	Đom đóm lá nhỏ	Mi	*		
95	<i>Antidesma acidum</i> Retz.	Chòi môi	Mi		*	
96	<i>A. bunius</i> (L.) Spreng	Chòi môi tía	Mi		*	
97	<i>Aprosa microcalyx</i> Hassk.	Thầu tầu	Mi	*		
98	<i>A. dioica</i> (Roxb.)Muell.-Arg.	Thầu tầu khác gốc	Mi	*		
99	<i>A. sphaerosperma</i> Gagnep.	Thầu tầu hạt tròn	Mi	*		
100	<i>Bischofia javanica</i> Blume	Nhội	Mi			*
101	<i>Bridelia monoica</i> (Lour.)Merr.	Đôm lông	Mi		*	
102	<i>Breynia fruticosa</i> (L.) Spreng.	Bồ cu vẽ	Mi		*	
103	<i>Cleistanthus sumatranus</i> Muell-Arg.	Cọc rào	MM		*	
104	<i>Croton tiglium</i> L.	Bã đậu	Mi		*	
105	<i>Croton</i> sp.	Bọt ếch	Na		*	
106	<i>Glochidion hirsutum</i> Muell..	Bọt ếch	Na		*	
107	<i>Mallotus barbatus</i> Muell.-Arg.	Bùm búp lông	Mi	*		
108	<i>M. glabriusculus</i> (Kurz)Pax & Hoffm.	Bùm búp tron	Mi	*		
109	<i>M. barbatus</i> Muell.-Arg.	Ba soi	Mi	*		
110	<i>Phyllanthus emblica</i> L.	Me rừng	Mi		*	

111	<i>P. reticulatus</i> Poir.	Phèn đen	Mi		*	
112	<i>P. urinaria</i> L.	Chó đẻ	Th		*	
113	<i>Sapium discolor</i>	Sòi tía	Mi		*	
114	<i>S. sebiferum</i> (L.) Roxb.	Sòi trắng	Mi		*	
	FABACEAE	HỌ ĐẬU				
115	<i>Crotalaria pallida</i> Ait.	Lục lạc	Th	*		
116	<i>Derris elliptica</i> (Roxb.) Benth.	Dây mật	Lp		*	
117	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.	Lím xanh	MM			*
118	<i>Gleditsia australis</i> Hemsl.	Bồ kết rừng	Mi			*
119	<i>Mucuna hainanensis</i> Hayata	Đậu mèò	Lp		*	
120	<i>Ormosia pinnata</i> (Lour.) Merr.	Ràng ràng xanh	MM		*	
121	<i>O. balansae</i> Drake	Ràng ràng mít	MM	*		
122	<i>Pueraria montana</i> (Lour.) Merr.	Sắn dây	Lp	*		
123	<i>Tadehagi triquetrum</i> (L.) Ohashi	Thóc lép	Na	*		
124	<i>Uraria</i> sp.	Đuôi chồn	Mi	*		
	FAGACEAE	HỌ DẺ				
125	<i>Castanopsis indica</i> (Roxb.) A.DC.	Dẻ gai	MM	*		
126	<i>Castanopsis boisii</i> Hickel & A. Camus	Dẻ yên thế	MM	*		
127	<i>Lithocarpus tubulosus</i>	Sòi vàng	MM	*		
128	<i>Lithocarpus ducampii</i>	Dẻ đỏ	MM	*		
129	<i>Quercus bambusifolia</i> Hance	Dẻ lá tre	MM	*		
	FLACOURTIACEAE	HỌ MỪNG QUÂN				
130	<i>Casearia membranacea</i> Hance	Tổ kén	Ch	*		
131	<i>Flacourtia indica</i> (Burm.f.) Merr.	Mừng quân	Mi	*		
	HYPERICACEAE	HỌ BAN				
132	<i>Cratoxylum cochinchinense</i>	Thành ngạnh	Mi	*		
133	<i>Cratoxylum pruniflorum</i> (Kurz.) Kurz	Đỏ ngọn	Mi	*		
	ITEACEAE	HỌ LƯỠI LAI				
134	<i>Itea chinensis</i> Hook. et Arn.	Lưỡi lai	Mi	*		
	JUGLANDACEAE	HỌ HỒ ĐÀO				
136	<i>Engelhardtia roxburghiana</i> Wall.	Chẹo tía	MM	*		
137	<i>Pterocarya stenoptera</i> C.DC.	Cơi	Mi		*	
	LAMIACEAE	HỌ HOA MÔI				
138	<i>Acrocephalus indicus</i> (Burm.f.) Kuntze	Bồ bồ	Th		*	
139	<i>Leonurus japonicus</i> Houtt.	Ích mẫu	Th		*	
140	<i>Ocimum tenuiflorum</i> Burm. f.	Hương nhu tía	Th		*	
	LAURACEAE	HỌ LONG NẪO				
141	<i>Cryptocarya lenticellata</i> Lecomte	Nanh chuột	Mi		*	
142	<i>Lindera tonkinensis</i> Lecomte	Lòng trứng bắc bộ	Mi			*
143	<i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) C. B. Robins.	Bời lời nhớt	Mi		*	
144	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers.	Màng tang	MM		*	
145	<i>Machilus bonii</i> Lecomte	Kháo vàng	MM			*
	LOGANIACEAE	HỌ MÃ TIỀN				
146	<i>Gelsemium elegans</i>	Lá ngón	Th			*
147	<i>Strychnos wallichiana</i> Steud. ex DC.	Mã tiền rừng	Lp		*	
	MAGNOLIACEAE	HỌ MỘC LAN				
148	<i>Manglietia fordiana</i> Oliv.	Vàng tâm	MM			*
149	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy	Giổi	MM			*
	MALVACEAE	HỌ BÔNG				
150	<i>Abelmoschus moschatus</i> Medik.	Vông vang	Ch	*		
151	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet	Cối xay	Ch	*		
152	<i>Sida rhombifolia</i> L.	Ké hoa vàng	Ch	*		

153	<i>Urena lobata</i> L.	Ké hoa đào	Na	*		
	MELASTOMACEAE	HỌ MUA				
154	<i>Melastoma candidum</i> L.	Mua	Na		*	
155	<i>Melastoma affine</i> D.Don	Mua vảy	Na		*	
156	<i>Memecylon edule</i> Roxb.	Sâm sì	Na		*	
	MELIACEAE	HỌ XOAN				
157	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet.	Gội nếp	MM			*
158	<i>Aglaia dasyclada</i> Hon & T.C.Chen	Ngâu đá	Mi			*
159	<i>Chisocheton paniculatus</i> (Roxb.) Hiern.	Quêch tía	MM			*
160	<i>Cipadessa cinerascens</i>	Xoan bụi	MM			*
161	<i>Melia azedarach</i> L.	Xoan ta	MM			*
162	<i>Trichilia connaroides</i>	Sâng	Mi			*
	MENISPERMACEAE	HỌ TIẾT DÊ				
163	<i>Cissampelos pareira</i> L.	Tiết dê	Lp		*	
164	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Hoàng đằng	Lp	*		
165	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi	He	*		
166	<i>Tinospora sinensis</i> (Lour.) Merr	Dây đau xương	Lp		*	
	MIMOSACEAE	HỌ TRINH NỮ				
167	<i>Leucaena leucocephala</i>	Keo dậu	MM	*		
168	<i>Pithecellobium lucidum</i> Benth.	Mán đĩa trâu	Lp	*		
169	<i>Pithecellobium clypearia</i>	Mán đĩa thường	Mi	*		
	MORACEAE	HỌ DÂU TẦM				
170	<i>Artocarpus tonkinensis</i>	Chấp tay bắc	MM		*	
171	<i>Broussonetia papyrifera</i>	Dướng leo	Mi		*	
172	<i>B. kazinoki</i> Sieb. & Zae.	Dướng	Mi		*	
173	<i>Dimerocarpus balansae</i> Hutch.	Mạy tạo	MM		*	
174	<i>Ficus callosa</i> Willd.	Gù	Mi			*
175	<i>F. lacor</i> Buch.-Ham.	Sung rừng quả nhỏ	MM			*
176	<i>F. auriculata</i> Lour.	Đa lá lệch	MM			*
177	<i>F. hispida</i> L.f.	Ngái	Mi		*	
178	<i>F. fulva</i> Reinw.ex Blume	Ngõa	Mi		*	
179	<i>F. racemosa</i> L.	Sung	MM			*
180	<i>Ficus annulata</i> Blume	Đa quả trứng	MM			*
181	<i>Streblus asper</i> Lour.	Ruổi	Mi			*
	MYRISTICACEAE	HỌ MÁU CHÓ				
182	<i>Horsfieldia amygdalina</i> (Wall.)Warb.	Máu chó lá to	MM	*		
183	<i>Knema conferta</i> (Kinh)Warb.	Máu chó lá nhỏ	MM	*		
	MYRSINACEAE	HỌ ĐÓN NEM				
184	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf	Trọng đũa lớn	MM		*	
185	<i>Ardisia lindleyana</i> D.Di etr.	Trọng đũa	Na		*	
186	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô	Ch	*		
187	<i>Embelia laeta</i> (L.) Mez	Chua ngút hoa trắng	Lp		*	
188	<i>Maesa balansae</i> Mez	Đơn trâu	Na		*	
189	<i>Maesa tomentella</i> Mez	Đơn lông	Na		*	
	MYRTACEAE	HỌ SIM				
190	<i>Cleistocalyx operculatus</i>	Vôi	Mi			*
191	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i> (Ait.)Hassk.	Sim	Na		*	
192	<i>Syzygium samarangense</i> Merr.	Goi rừng	Mi			*
	OXALIDACEAE	HỌ CHU ME ĐÁT				
193	<i>Biophytum petersianum</i> Klotzsch	Chua me lá khế	Th	*		
194	<i>Oxalis corniculata</i> L.	Chu me hoa vàng	Th	*		
	PASSIFLORACEAE	HỌ LẠC TIỀN				

195	<i>Passiflora foetida</i> L.	Lạc tiên	Lp	*		
	PIPERACEAE	HỌ HỒ TIÊU				
196	<i>Piper lolot</i> L.	Lá lốt	He	*		
197	<i>Piper massici</i> C. DC.	Trầu đại	He	*		
	PLANTAGINACEAE	HỌ MÃ ĐÈ				
198	<i>Plantago major</i> L.	Mã đề	Lp	*		
	POLYGONACEAE	HỌ RAU RẮM				
199	<i>Polygonum barbatum</i> L.	Nghê trâu	Th	*		
200	<i>P. minus</i> Huds.	Nghê	Th	*		
201	<i>Polygonum chinense</i> L.	Thôm lỏm	Lp	*		
	PORTULACEAE	HỌ RAU SAM				
202	<i>Portulaca oleracea</i> L.	Rau sam	Th	*		
	RANUNCULACEAE	HỌ MAO LƯƠNG				
203	<i>Clematis armandii</i> Franch.	Dây ông lão	Lp		*	
	RHAMNACEAE	HỌ TÁO				
204	<i>Ventilago calyculata</i> Tul.	Rút dẻ	Mi	*		
205	<i>Zizyphus oenoplia</i> (L.) Mill.	Táo đại	Mi	*		
	RHIZOPHORACEAE	HỌ ĐUỐC				
206	<i>Carallia lanceaeifolia</i> Roxb	Xăng mã lá thon	Mi		*	
	ROSACEAE	HỌ HOA HỒNG				
207	<i>Photinia</i> sp.	Sén mọc	MM		*	
208	<i>Prunus arborea</i> (Blume) Kalkm.	Xoan đào	MM		*	
209	<i>Rubus alceifolius</i> Poir.	Mâm xôi	Lp		*	
210	<i>R. cochinchinensis</i> tratt.	Ngây	Lp	*		
	RUBIACEAE	HỌ CÀ PHÊ				
211	<i>Canthium dicoccum</i>	Xương cá	Mi	*		
212	<i>Gardenia augusta</i> (L.) Merr.	Dành dành	Mi	*		
213	<i>Hedyotis capitellata</i> Wall ex G. Don	Dạ cầm	Lp		*	
214	<i>Morinda officinalis</i> How	Ba kích	Lp		*	
215	<i>Neolamarckia cadamba</i>	Gáo trắng	MM			*
216	<i>Psychotria reevesii</i> Wall. In Roxb.	Lầu	Mi		*	
217	<i>P. rubra</i> (Lour.) Poir.	Lầu đỏ	Mi			*
218	<i>Randia spinosa</i> (Thunb.) Poir.	Găng trâu	Mi			*
219	<i>Uncaria homomalla</i> Miq.	Câu đẵng bắc	Lp		*	
220	<i>Wendlandia paniculata</i> (Roxb.) DC.	Hoắc quang	Mi			*
	RUTACEAE	HỌ CAM				
221	<i>Acronychia pedunculata</i> L.	Bưởi bung	Mi		*	
222	<i>Clausena lansium</i> (Lour.) Skeels	Hồng bì	Mi		*	
223	<i>Euodia bodinieri</i> Dode	Thôi chanh trắng	MM			*
224	<i>Euodia leptia</i> (Spreng.) Merr.	Ba gác	Na			*
225	<i>Zanthoxylum avicennae</i> (Lamk.) DC.	Sén gai	Mi			*
226	<i>Zanthoxylum nitidum</i> (Roxb.) DC.	Săng	Na			*
	SAPINDACEAE	HỌ BỒ HỒN				
227	<i>Pavieasia anamensis</i> Pierre	Nhãn rừng	Mi			*
228	<i>Pometia pinnata</i> Forst. & Forst. f.	Săng	MM			*
	SAPOTACEAE	HỌ HỒNG XIÊM				
229	<i>Eberhardtia tonkinensis</i> Lecomte	Kông sưa bắc bộ	MM		*	
230	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H.J.Lam	Sén mật	MM		*	
	SAURURACEAE	HỌ RAU RÁP				
231	<i>Saururus chinensis</i> (Lour.) Baill.	Hàm ếch	Th	*		
	SCRPHULARIACEAE	HỌ HOA MỒM CHÓ				
232	<i>Scoparia dulcis</i> L.	Cam thảo lam	Th		*	

	SIMAROUBACEAE	HỌ THANH THẮT				
233	<i>Ailanthus triphysa</i> (Dennst.) Alston	Thanh thất	MM		*	
234	<i>Eurycoma longifolia</i> Jack	Bách bệnh	Mi			*
	SOLANACEAE	HỌ CÀ ĐỘC DƯỢC				
235	<i>Brugmansia suaveolens</i>	Lu lu cái	Th		*	
236	<i>Solanum procumbens</i> Lour.	Cà dại	Ch	*		
237	<i>S. torvum</i> SW.	Cà hoa trắng	Ch	*		
	STERCULIACEAE	HỌ TRÔM				
238	<i>Firmiana colorata</i> (Roxb.) R.Br.	Bo đỏ	MM		*	
239	<i>Firmiana simplex</i> (L.) W.Wight	Bo rừng	MM		*	
240	<i>Pterospermum lanceifolium</i> Roxb.	Lòng mang lá mác	MM	*		
	STYRACACEAE	HỌ BỒ ĐỀ				
241	<i>Styrax tonkinensis</i>	Bồ đề	MM			*
	SYMPLOCACEAE	HỌ DUNG				
242	<i>Symplocos laurina</i> (Retz) Wall.	Dung giấy	MM		*	
	THYMELAEACEAE	HỌ TRĂM				
243	<i>Wikstroemia indica</i> (L.) C.A.Mey	Niệt dó	Na	*		
	TILIACEAE	HỌ ĐAY				
244	<i>Microcos paniculata</i> L.	Mé cò kè	Mi			
	ULMACEAE	HỌ DU				
245	<i>Celtis philippensis</i> Blanco	Sếu rừng	Mi		*	
246	<i>Gironniera subaequalis</i> Planch.	Ngát	MM		*	
247	<i>Trema orientalis</i> (L.) Blume.	Hu đay	MM		*	
	VERBENACEAE	HỌ CỎ ROI NGỰA				
248	<i>Callicarpa longifolia</i> Lamk.	Tu hú	Mi	*		
249	<i>C. japonica</i> (Thunb.) Sweet	Mò đỏ	Mi	*		
250	<i>Lantana camara</i> L.	Ngũ sắc	Ch	*		
251	<i>Verbena officinalis</i> L.	Cỏ roi ngựa	Ch	*		
	VITACEAE	HỌ NHO				
252	<i>Ampelopsis heterophylla</i> Sieb.& Zucc.	Dâu dây	Lp	*		
253	<i>Cissus triloba</i> (Lour.) Merr.	Chìa vôi	Lp	*		
254	<i>Tetrastigma pachyphyllum</i> (Hemsl.) Chun	Dây đòn gánh	Lp	*		
255	<i>T. rupestre</i> Planch	Thềm bép	Lp		*	
256	<i>Vitis balansana</i> Planch	Nho đất	Lp		*	
	MONOCOTYLEDONES	LỚP MỘT LÁ MÀM				
	ARACEAE	HỌ RÁY				
257	<i>Acorus calamus</i> L.	Thạch xương bò	Cr		*	
258	<i>Alocasia macrorrhiza</i> (L.) G.Don	Ráy	He	*		
259	<i>Amorphophallus paeoniifolius</i>	Nưa	Cr		*	
260	<i>Typhonium divaricatum</i> (L.) Decne.	Bán hạ	He			*
	ARECACEAE	HỌ CAU				
261	<i>Caryota mitis</i> Lour.	Đùng đình	MM			*
262	<i>C. bacsonensis</i> Magalon	Đùng đình Bắc Sơn	MM			*
	COMMELINACEAE	HỌ THÀI LÀI				
263	<i>Aneilema malabaricum</i> (L.) Merr.	Thài lài xanh	He		*	
264	<i>Commelina nudiflora</i> L.	Thài lài trắng	He		*	
265	<i>Zebrina pendula</i> Schnizl.	Thài lài tía	He		*	
	POACEAE	HỌ HÒA THẢO				
266	<i>Centosteca latifolia</i> (Osbeck.) Trin.	Cỏ lá tre	He	*		
267	<i>Chrysopogon aciculatus</i> (Retz.) Trin.	Cỏ may	Th	*		
268	<i>Cynodon dactylon</i> (L.) Pers.	Cỏ gà	Cr	*		
269	<i>Dactyloctenium aegyptium</i> (L.) Beauv.	Cỏ chân vịt	He	*		

270	<i>Digitaria adscendens</i> (H.B.K) Henr.	Cỏ chi	Th		*	
271	<i>Digitaria propinqua</i> Beauv.	Cỏ chân nhện	He	*		
272	<i>Echinochloa colona</i> Link	Lông vực cạn	He	*		
273	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn.	Cỏ màn trâu	Th	*		
274	<i>Imperata cylindrica</i> (L.) Beauv.	Cỏ tranh	Cr	*		
275	<i>Neohouzeaua dulloa</i>	Nửa	Cr	*		
276	<i>Panicum repens</i> L.	Cỏ gừng	He	*		
277	<i>P. sarmentosum</i> Roxb.	Cỏ rác	Cr	*		
278	<i>Saccharum arundinaceum</i> Retz.	Lau	Ch	*		
	SMILACACEAE	HỌ KHÚC KHẮC				
279	<i>Smilax prolifera</i> Rox.ex.Kunth.	Cậm cang lá to	Cr	*		
	STEMONACEAE	HỌ BÁCH BỘ				
280	<i>Stemona tuberosa</i> Lour	Bách thảo	Cr	*		
	ZINGIBERACEAE	HỌ GỪNG				
281	<i>Amomum xanthioides</i> Lour.	Sa nhân	Cr		*	
282	<i>Alpinia officinarum</i> Hance	Riềng	He		*	
283	<i>Zingiber zerumbet</i> (L.) J.E.Sm.	Riềng gió	Cr		*	

DS. Dạng sống; TTV. Thảm thực vật; C. Thảm cỏ; B. Cây bụi; TS. Rừng thứ sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Tiến Bản, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
- Võ Văn Chi, 2003. Từ điển thực vật thông dụng, tập I, II. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Võ Văn Chi, 1997. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y Học, tp. Hồ Chí Minh.
- Võ Văn Chi, Nguyễn Đức Minh, 2000: Rắn làm thuốc và thuốc trị rắn cắn. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Võ Văn Chi, 2005. Cây rau, trái đậu dùng để ăn và trị bệnh. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam, tập 1-3. Nxb. Trẻ tp. Hồ Chí Minh.
- Đỗ Tất Lợi, 1999: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Trần Đình Lý, 1995. 1900 loài cây có ích. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- Nguyễn Nghĩa Thìn, 1999. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh học. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Viện Dược liệu, 2006. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập I, II. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, 2003-2005. Danh lục thực vật Việt Nam, tập 1-3. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

DIVERSITY OF VASCULAR FLORA IN CHO MOI AND BACH THONG DISTRICTS, BAC KAN PROVINCE, VIETNAM

Hoang Thi Thuy Hang¹, Tran Dinh Ly²

¹Bac Kan community College

²Institute of Ecology and Biological Resources, VAST

SUMMARY

Using the methods of line survey and standard plot survey to make out the version plots to investigate, classify, and collect 283 species of vegetation of 138 branches with 87 families, which belonged to 3 types: Polypodiophyta, Gymnospermae and Angiospermae among various living vegetation in Bac Kan province. The result also show that the forest vegetation in Bac Kan province has the following most diverse families: Poaceae, Rubiaceae, Moraceae, Euphorbiaceae, Asteraceae and Caesalpiniaceae. Such the plants as *Amomum xanthioides*, *Styrax tonkinensis*, *Canthium dicoccum* var. *rostratum*, *Prunus arborea*, *Mangietia fordiana*... were often exploited and regularly used. Of the total, 6 rare and precious species are observed in the Red Data Book of Vietnam, and of those species 1 species was as endangered (EN): *Madhuca pasquieri*; 5 species as vulnerable (VU): *Dipterocarpus retusus*, *Michelia balanse*, *Aglaiia spectabilis*, *Ardisia silvestris* and *Canthium dicoccum*. It is necessary that Bac Kan authority should set up systematic solutions in technique, policy, and management in order to preserve and regenerate the plant cover, especially the rare species.

Keywords: Plant diversity, rare species, vascular plants, vegetation, Bac Kan.

Ngày nhận bài: 13-7-2012